TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2019
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Anh Kiệt**
Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Thế Nam**
2/ Bà **Võ Thị Dung**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Việt Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh.

- Đại diện VKSND Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên toà*: Ông **Nguyễn Văn Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trần Thị Bích N**, sinh năm 1963
- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: 32/29 NTMK, khu phố 3, phường XA, thị xã LK, tỉnh ĐN; (nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Bích N trình bày:

Bà N và ông H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào năm 1989 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính cách không phù hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, ông H có tính gia trưởng và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, vì thương con nên bà N cố gắng chịu đựng. Tuy ở chung nhà nhưng giữa bà N với ông H đã không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Ngoài ra, năm 2015 bà N phát bệnh tim nặng nên cũng không thể thực hiện nghĩa vụ vợ chồng và từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay, bà N về Thành phố sống với các con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1990 và Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1991. Hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/3/2019 bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thừa nhận lời khai của bà N trình bày là đúng, vợ chồng đến với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn có cãi vã, xô xát nhưng đã tha thứ cho nhau. Ông H thừa nhận cách đây khoảng 05 năm ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, bà N biết nhưng đã tha thứ, bỏ qua và ông H đã chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ đó. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà N thường ghen tuông vô cớ, ông đã giải thích nhiều lần nhưng bà N không nghe. Sau đó bà N đã lên Sài Gòn sinh sống cùng với hai con từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Trong thời gian này ông H có gọi điện, nhắn tin hỏi han quan tâm bà N nhưng bà N không chấp nhận.

Ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do hiểu nhầm, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Tuy nhiên, ông H cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Hai người con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Bà N vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày:

- Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích N. Bà Trần Thị Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Bích N khởi kiện ly hôn đối với ông Nguyễn Xuân H. Bà N và ông H cùng cư trú tại khu phố 3, phường XA, thị xã LK, tỉnh ĐN, căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ngày 25/4/2019 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 - BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa và tống đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 6, Điều 72- BLTTDS

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông H xây dựng gia đình vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống bà N cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 06/2018 đến nay ông, bà không có giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn với nhau. Tòa án tiến hành H giải theo Điều 54 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, ông H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Như vậy, ông H không có thiện chí đoàn tụ gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu đoàn tụ của ông H không có cơ sở chấp nhận. Riêng yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết và về nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bà N, ông H được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, 227, 228 và Điều 266 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bích N được ly hôn ông Nguyễn Xuân H.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3/ Về án phí: Bà Trần Thị Bích N phải nộp 300.000đ án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 009310 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Khánh. Bà N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TXLK;
- Chi cục THADS TXLK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Anh Kiệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**